



Name:

Class: 1.....

HƯỚNG DẪN HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH

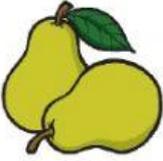
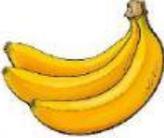
Tuần 27 (07/02 - 11/02)

THỜI GIAN	NỘI DUNG																
Thứ 2 (07/02)	<p>1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "Food" qua link: </p> <table border="1" data-bbox="363 607 1453 1167"> <tbody> <tr> <td data-bbox="363 607 635 786"></td> <td data-bbox="635 607 906 786"></td> <td data-bbox="906 607 1177 786"></td> <td data-bbox="1177 607 1453 786"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="363 786 635 891">bread</td> <td data-bbox="635 786 906 891">rice</td> <td data-bbox="906 786 1177 891">beans</td> <td data-bbox="1177 786 1453 891">pasta</td> </tr> <tr> <td data-bbox="363 898 635 1077"></td> <td data-bbox="635 898 906 1077"></td> <td data-bbox="906 898 1177 1077"></td> <td data-bbox="1177 898 1453 1077"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="363 1077 635 1167">limes</td> <td data-bbox="635 1077 906 1167">cookies</td> <td data-bbox="906 1077 1177 1167">yogurt</td> <td data-bbox="1177 1077 1453 1167">soup</td> </tr> </tbody> </table>					bread	rice	beans	pasta					limes	cookies	yogurt	soup
																	
	bread	rice	beans	pasta													
																	
limes	cookies	yogurt	soup														
<p>2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:</p> <table border="1" data-bbox="363 1249 1453 1749"> <tbody> <tr> <td data-bbox="363 1249 722 1749">   1. I like yogurt. </td> <td data-bbox="722 1249 1086 1749">   2. I don't like beans. </td> <td data-bbox="1086 1249 1453 1749">  3. Do you like pasta?  - Yes, I do.  - No, I don't. </td> </tr> </tbody> </table>	  1. I like yogurt.	  2. I don't like beans.	 3. Do you like pasta?  - Yes, I do.  - No, I don't.														
  1. I like yogurt.	  2. I don't like beans.	 3. Do you like pasta?  - Yes, I do.  - No, I don't.															
<p>3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: </p>																	

1. Ôn tập từ vựng chủ đề "Fruits and vegetables" qua link:



2. Chỉ tay ôn tập lại các từ vựng chủ đề "Fruits and vegetables":

 limes	 lemons	 grapes	 pineapples
 pears	 apples	 bananas	 oranges
 onions	 peas	 potatoes	 carrots

Thứ 3
(08/02)

3. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

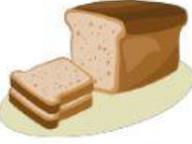
 1. She likes potatoes.	 2. He likes peas.
---	---

4. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:

Bamboozle

1. Nghe, chỉ tay và ôn tập các từ vựng chủ đề "Food" qua link:



 pasta	 bread	 soup	 lime
 yogurt	 cookies	 rice	 beans

Thứ 4
(09/02)

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. She doesn't like soup.	 2. He doesn't like pasta.
---	---

3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi:



1. Ôn tập từ vựng chủ đề "Food and drink" qua link bài hát:

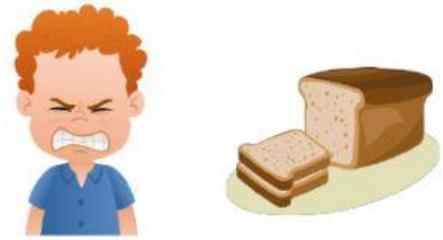


2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:



1. Does he like cookies?

Yes, he does.



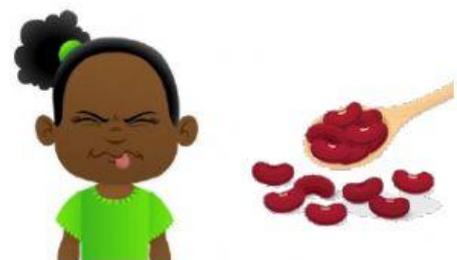
2. Does he like bread?

No, he doesn't.



3. Does she like yogurt?

Yes, she does.



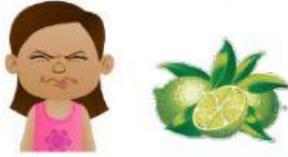
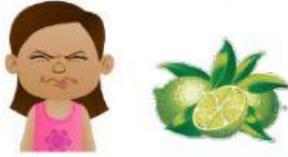
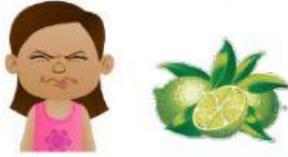
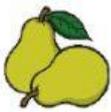
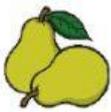
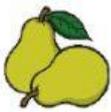
4. Does she like beans?

No, she doesn't.

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:



Thứ 5
(10/02)

<p>Thứ 6 (11/02)</p>	<p>1. Chỉ tay và luyện đọc và ôn tập các mẫu câu:</p>	
	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td data-bbox="363 262 906 560">  <p>1. She likes carrots .</p> </td> <td data-bbox="914 262 1458 560">  <p>2. He likes carrots.</p> </td> </tr> </table>	 <p>1. She likes carrots .</p>
 <p>1. She likes carrots .</p>	 <p>2. He likes carrots.</p>	
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td data-bbox="363 571 906 855">  <p>3. She doesn't like limes.</p> </td> <td data-bbox="914 571 1458 855">  <p>4. He doesn't like limes.</p> </td> </tr> </table>	 <p>3. She doesn't like limes.</p>	 <p>4. He doesn't like limes.</p>
 <p>3. She doesn't like limes.</p>	 <p>4. He doesn't like limes.</p>	
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td data-bbox="363 866 906 1370"> <p>5. Does she like pears? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, she does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, she doesn't.</p> </td> <td data-bbox="914 866 1458 1370"> <p>6. Does he like onions? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, he does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, he doesn't.</p> </td> </tr> </table>	<p>5. Does she like pears? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, she does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, she doesn't.</p>	<p>6. Does he like onions? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, he does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, he doesn't.</p>
<p>5. Does she like pears? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, she does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, she doesn't.</p>	<p>6. Does he like onions? </p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> Yes, he does.</p>  <p><input checked="" type="checkbox"/> No, he doesn't.</p>	
<p>Extra practice</p>	<p>2. Làm phiếu bài tập cuối tuần tại link: </p> <p>1. Làm bài trong phần Homework trên Pearson English Portal tại link: </p> <p>2. Luyện viết và học từ mới trong phiếu "Trace, write and read"</p>	

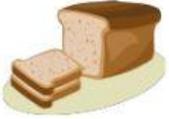


Name:

Unit 8 - What food do we eat?

Class: 1..... Date:

TRACE, WRITE AND READ



bread bread



rice rice



pasta pasta



cookies cookies



yogurt yogurt



soup soup



beans beans